

Đơn vị: TTYT Hoài Nhơn

Mẫu số: C02 - HD

Mã QHNS: 1047707

**BẢNG THANH TOÁN TIỀN LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN PHỤ CẤP THEO LƯƠNG  
CÁC KHOẢN TRÍCH NỢ THEO LƯƠNG (2.340.000)**

**Tháng 4 năm 2026**

(Kèm theo Thông báo số: /TB-TTHN ngày tháng 4 năm 2026)

(ĐVT: đồng)

STT	Họ và tên	Mã ngạch	Hệ số lương	Hệ số phụ cấp chức vụ	% PCU ĐN	Hệ số phụ cấp UĐN	Cộng hệ số	Tiền lương tháng	BHXH		BHYT		BHTN		KPCĐ	Số thực lĩnh	Ghi chú
									Trích vào CP (17,5%)	Trừ vào lương (8%)	Trích vào CP (3%)	Trừ vào lương (1,5%)	Trích vào CP (1%)	Trừ vào lương (1%)	Trích vào CP (2%)		
A	B	C	1	2	10	11	12	13	19	20	21	22	23	24	25	26	D
1	Lê Thị Hồng Vân	V.08.10.28	4,98	0,4	30%	1,61	6,99	16.365.960	2.203.110	1.007.136	377.676	188.838	125.892	125.892	251.784	15.044.094	
2	Bùi Thị Danh	V.08.10.28	3,66		30%	1,10	4,76	11.133.720	1.498.770	685.152	256.932	128.466	85.644	85.644	171.288	10.234.458	
3	Nguyễn Thị Nhung	V.08.10.28	3,33		30%	1,00	4,33	10.129.860	1.363.635	623.376	233.766	116.883	77.922	77.922	155.844	9.311.679	
4	Võ Thị Ánh Nguyệt	V.08.10.28	3		30%	0,90	3,90	9.126.000	1.228.500	561.600	210.600	105.300	70.200	70.200	140.400	8.388.900	Đi làm lại sau nghỉ TS
5	Lê Thị Phương	V.08.10.28	2,67		30%	0,80	3,47	8.122.140	1.093.365	499.824	187.434	93.717	62.478	62.478	124.956	7.466.121	
6	Nguyễn Thị Chi	V.08.10.28	3,33		30%	1,00	4,33	10.129.860	1.363.635	623.376	233.766	116.883	77.922	77.922	155.844	9.311.679	
	<b>Tổng cộng</b>		<b>20,97</b>	<b>0,4</b>		<b>6,411</b>	<b>27,78</b>	<b>65.007.540</b>	<b>8.751.015</b>	<b>4.000.464</b>	<b>1.500.174</b>	<b>750.087</b>	<b>500.058</b>	<b>500.058</b>	<b>1.000.116</b>	<b>59.756.931</b>	

Tổng số tiền bằng chữ: Năm mươi chín triệu bảy trăm năm mươi sáu nghìn chín trăm ba mươi một đồng chẵn.